TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 9 -2025
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Duy Quyết
ông Hà Xuân Ninh

- Thư ký phiên tòa: bà Giang Thị Mến - thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Lan - kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Huy C, sinh ngày 22/6/1990, căn cước công dân số: 001090017626, nơi cư trú: thôn Đ, xã H, thành phố Hà Nội (địa chỉ cũ: thôn Đ, xã H, huyện Ứ, thành phố Hà Nội), có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh ngày 01/6/1990, căn cước công dân số: 037190012603, nơi cư trú: thôn X, xã Đ, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: thôn Xuân Lai, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình), vắng mặt.

Người làm chứng: chị Đỗ Thị H, sinh năm 1980, nơi cư trú: thôn X, xã Đ, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ: thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2025, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn - anh Lê Huy C trình bày: anh và chị Đỗ Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội vào ngày 26/7/2023. Vợ chồng chung sống hòa thuận được

một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Chị T nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm đến anh và bố mẹ anh nên có lần anh đã đánh chị T. Gia đình anh đã góp ý nhiều lần nhưng chị T không thay đổi. Từ ngày 13/11/2024, chị T đã bỏ về sống cùng với chị gái ở thôn Xuân Lai, xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Đề nghị tòa án cho anh được ly hôn chị T. Giữa anh và chị T không có con chung, không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn - chị Đỗ Thị T: tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và tiến hành triệu tập, thông báo cho chị T nhiều lần nhưng chị T không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gửi tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến người làm chứng - chị Đỗ Thị Huê (chị gái của chị T): chị T và anh C tự nguyện kết hôn với nhau. Sau khi sống chung một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng anh C, chị T thường xuyên cãi nhau, chị T còn bị anh C đánh đạp nhưng chị T giấu, đến đầu năm 2024 thì chị T nói cho chị Huê biết. Chị Huê khuyên chị T nếu không có hạnh phúc thì vợ chồng ly hôn rồi về quê sinh sống, chị em chăm sóc nhau. Chị T nghe lời nên đã bỏ về sống với chị Huê. Đến nay, vợ chồng anh C, chị T không có con chung, chị T không có thai. Chị Huê đã chuyển các thông báo, triệu tập của tòa án cho chị T và khuyên chị T lên tòa giải quyết nhưng chị T không lên, nói kệ anh C giải quyết.

Tại biên bản xác minh của tòa án, đại diện Ủy ban nhân dân xã Tiến Thắng, huyện Gia Viễn (nay là xã Đại Hoàng), tỉnh Ninh Bình cho biết: vợ chồng anh C, chị T kết hôn khoảng năm 2023 nhưng không sống ở địa phương. Không biết vì lý do gì chị T đã chuyển đăng ký thường trú và về sống cùng với chị gái là chị Đỗ Thị Huê ở thôn Xuân Lai, xã Tiến Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng anh C, chị T có mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt khi tòa án triệu tập là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: cho ly hôn giữa anh C và chị T; buộc anh C phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: tại phiên tòa, bị đơn, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị T đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh C, đã được triệu tập nhiều lần nhưng không có ý kiến và không đến tòa án để làm việc cho thấy bản thân chị T không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, HĐXX xác định ý kiến trình bày của anh C, các tài liệu, chứng cứ do tòa án thu thập được là căn cứ để giải quyết vụ án. Quá trình chung sống, vợ chồng anh C, chị T đã phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi chửi nhau, anh C còn đánh chị T nên chị T đã chuyển về xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình sinh sống cùng chị gái là đúng sự thật. Anh C, chị T không khắc phục được mâu thuẫn, đã sống ly thân với nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng, cả hai đều không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân. Do vậy, cần xác định mâu thuẫn giữa anh C, chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của anh C về việc ly hôn với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung; tài sản, công nợ chung: anh C, chị T không có con chung; không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: anh C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Lê Huy C và chị Đỗ Thị T.

2. Về con chung: anh C, chị T không có con chung nên tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung: anh C, chị T không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: anh C phải nộp 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000855 ngày 16/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Viễn. Anh C đã nộp đủ.

Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND khu vực 3- Ninh Bình;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;*
- *UBND xã Hòa Xá, Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, TA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Thị Kim Oanh